Tế bào HBL-52

300188

HBL-52 là dòng tế bào người được phân lập từ một u màng não chuyển tiếp độ I, cụ thể là ở ống thị giác. Dòng tế bào này được lấy từ một bệnh nhân nữ trưởng thành và có hình thái tương tự biểu mô. U màng não thường là các khối u lành tính phát sinh từ màng não, các lớp màng bao quanh não và tủy sống. Loại chuyển tiếp đại diện cho một nhóm mô học, trong đó các tế bào u thể hiện sự kết hợp giữa đặc điểm sợi và biểu mô màng não.
Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra khả năng đáp ứng của tế bào HBL-52 với resveratrol, một polyphenol tự nhiên có đặc tính chống viêm và chống ung thư đáng kể. Resveratrol được phát hiện có khả năng ức chế sự phát triển của tế bào u màng não HBL-52, gợi ý vai trò tiềm năng trong điều trị hoặc quản lý u màng não, đặc biệt là những trường hợp nằm ở vị trí quan trọng như ống thị giác. Sự ức chế sự phát triển của tế bào này nhấn mạnh tính hữu ích của HBL-52 trong nghiên cứu dược lý và thử nghiệm thuốc, cung cấp một mô hình quý giá để đánh giá hiệu quả của các hợp chất có thể ảnh hưởng đến động học phát triển khối u. Với nguồn gốc và bản chất lành tính của nó, dòng tế bào HBL-52 là một mô hình quý giá để nghiên cứu cơ chế bệnh sinh của u màng não, đặc biệt là trong việc hiểu các hành vi tế bào và cơ chế phân tử cơ bản cho sự phát triển và tiến triển của u màng não tại các vị trí giải phẫu đặc biệt như ống thị giác.

GENERAL INFORMATION

Description

HBL-52 là dòng tế bào người được phân lập từ một u màng não chuyển tiếp độ I, cụ thể là ở ống thị giác. Dòng tế bào này được lấy từ một bệnh nhân nữ trưởng thành và có hình thái tương tự biểu mô. U màng não thường là các khối u lành tính phát sinh từ màng não, các lớp màng bao quanh não và tủy sống. Loại chuyển tiếp đại diện cho một nhóm mô học, trong đó các tế bào u thể hiện sự kết hợp giữa đặc điểm sợi và biểu mô màng não.
Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra khả năng đáp ứng của tế bào HBL-52 với resveratrol, một polyphenol tự nhiên có đặc tính chống viêm và chống ung thư đáng kể. Resveratrol được phát hiện có khả năng ức chế sự phát triển của tế bào u màng não HBL-52, gợi ý vai trò tiềm năng trong điều trị hoặc quản lý u màng não, đặc biệt là những trường hợp nằm ở vị trí quan trọng như ống thị giác. Sự ức chế sự phát triển của tế bào này nhấn mạnh tính hữu ích của HBL-52 trong nghiên cứu dược lý và thử nghiệm thuốc, cung cấp một mô hình quý giá để đánh giá hiệu quả của các hợp chất có thể ảnh hưởng đến động học phát triển khối u. Với nguồn gốc và bản chất lành tính của nó, dòng tế bào HBL-52 là một mô hình quý giá để nghiên cứu cơ chế bệnh sinh của u màng não, đặc biệt là trong việc hiểu các hành vi tế bào và cơ chế phân tử cơ bản cho sự phát triển và tiến triển của u màng não tại các vị trí giải phẫu đặc biệt như ống thị giác.

Tissue	Não
Disease	Uống não, tế bào lành tính

Synonyms

- HBL 52

CLASSIFICATION

Organism	Human
Sex	Female
Growth properties	Adherent
Biosafety level	1

CHARACTERISTICS

Morphology	Tương tự biểu mô

IDENTIFIERS

Citation

HBL-52 (Số catalog Cytion 300188)

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB

NCBI TaxID	9606
Cellosaurus	CVCL_4220

EXPRESSION AND SUSCEPTIBILITY

Protein expression

DP (desmoplakin) +, PG (Plakoglobin) +, PP1 -, PP2 +, PP3 - (PP=Plakophilin), Dsc1 -, Dsc2 +, Dsc3 + (Dsc=Desmocollin), Dsg1 -, Dsg2 +, Dsg3 - (Dsg=Desmoglein), N-Cadherin +, PGP2 +.

HANDLING AND CULTURE

Culture medium

McCoys 5a, chứa: 3,0 g/L glucose, chứa: glutamine ổn định, chứa: 2,0 mM natri pyruvate, chứa: 2,2 g/L $NaHCO_3$ (Số hiệu sản phẩm Cytion 820200a)

Incubation atmosphere	37°C, 5%CO_2, môi trường ẩm.

Supplements

Bổ sung 10% huyết thanh bò phôi (FBS) vào môi trường nuôi cấy

Dissociation reagent	Accutase

Subculturing

Loại bỏ môi trường nuôi cấy cũ khỏi các tế bào bám dính và rửa chúng bằng PBS không chứa canxi và magiê. Đối với bình T25, sử dụng 3-5 ml PBS, và đối với bình T75, sử dụng 5-10 ml. Sau đó, phủ hoàn toàn các tế bào bằng Accutase, sử dụng 1-2 ml cho bình T25 và 2,5 ml cho bình T75. Để tế bào ủ ở nhiệt độ phòng trong 8-10 phút để tách chúng ra. Sau khi ủ, nhẹ nhàng trộn tế bào với 10 ml môi trường để tái phân tán chúng, sau đó ly tâm ở 300xg trong 3 phút. Loại bỏ dịch trên, tái phân tán tế bào trong môi trường tươi và chuyển chúng vào các bình mới đã chứa môi trường tươi.

Seeding density	5 × 10^3 tế bào/cm^2 sẽ tạo thành một lớp tế bào dày đặc trong khoảng 4 ngày. Mật độ gieo tế bào vượt quá 9 × 10^3 tế bào/cm^2 không được khuyến nghị.
Fluid renewal	2 đến 3 lần mỗi tuần
Post-thaw recovery	Cho phép các tế bào bám dính trong ít nhất 24 đến 48 giờ.

Thawing and culturing

Confirm that the vial remains deeply frozen upon delivery, as cells are shipped on dry ice to maintain optimal temperatures during transit. Upon receipt, either store the cryovial immediately at temperatures below -150°C to ensure the preservation of cellular integrity, or proceed to step 3 if immediate culturing is required.
For immediate culturing, swiftly thaw the vial by immersing it in a 37°C water bath with clean water and an antimicrobial agent, agitating gently for 40-60 seconds until a small ice clump remains.
Perform all subsequent steps under sterile conditions in a flow hood, disinfecting the cryovial with 70% ethanol before opening.
Carefully open the disinfected vial and transfer the cell suspension into a 15 ml centrifuge tube containing 8 ml of room-temperature culture medium, mixing gently.
Centrifuge the mixture at 300 x g for 3 minutes to separate the cells and carefully discard the supernatant containing residual freezing medium.
Gently resuspend the cell pellet in 10 ml of fresh culture medium. For adherent cells, divide the suspension between two T25 culture flasks; for suspension cultures, transfer all the medium into one T25 flask to promote effective cell interaction and growth.
Adhere to established subculture protocols for continued growth and maintenance of the cell line, ensuring reliable experimental outcomes.

QUALITY CONTROL AND CRYOPRESERVATION

Sterility

Sự nhiễm khuẩn Mycoplasma được loại trừ bằng cả các phương pháp xét nghiệm dựa trên PCR và các phương pháp phát hiện Mycoplasma dựa trên phát quang.
Để đảm bảo không có nhiễm khuẩn vi khuẩn, nấm hoặc men, các mẫu nuôi cấy tế bào được kiểm tra trực quan hàng ngày.

Freeze medium	Như một môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng hỗn hợp 50% môi trường cơ bản + 40% huyết thanh bò phôi (FBS) + 10% DMSO, hoặc CM-1 (số catalog Cytion 800100), bao gồm các chất bảo vệ thẩm thấu và chất ổn định chuyển hóa được tối ưu hóa để cải thiện khả năng phục hồi và giảm stress do đông lạnh gây ra.

Storage conditions

Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng −150 đến −196 °C. Việc bảo quản ở −80 °C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Shipping conditions

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng −78 °C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

DONOR

Donor age	47 năm

LEGAL AND SAFETY

Safety precautions

Khi lập kế hoạch lưu trữ ống cryovial trong nitơ lỏng để rã đông sau này, việc tuân thủ các biện pháp an toàn nghiêm ngặt là bắt buộc. Găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp là điều cần thiết, và việc sử dụng khẩu trang hoặc kính bảo hộ là bắt buộc trong quá trình chuyển mẫu đông lạnh vào hoặc ra khỏi bể nitơ lỏng. Điều này nhằm giảm thiểu nguy cơ chấn thương do nổ ống cryovial khi lấy ra, có thể dẫn đến việc văng ra các mảnh vỡ sắc nhọn.

Warranty

Tại Cytion, chúng tôi cam kết về chất lượng và khả năng sống của các sản phẩm của mình.
Chúng tôi đảm bảo rằng các tế bào của chúng tôi sẽ có khả năng sống tại thời điểm bắt đầu nuôi cấy trong
60 ngày kể từ khi vận chuyển từ cơ sở của chúng tôi.
Chúng tôi cam kết rằng tất cả các vật liệu tuân thủ các thông số kỹ thuật được mô tả trong
Giấy chứng nhận phân tích và/hoặc Tài liệu sản phẩm.
Để biết chi tiết đầy đủ, vui lòng tham khảo
<a href=""/Who-we-are/Warranty/"" hreflang=""x-default"">Tuyên bố Bảo hành.

Material Transfer Agreement required	Yes